

Số: 4139 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 21 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, tái định cư thuộc khu vực di tích thắng cảnh Mật Sơn, thành phố Thanh Hóa (MBQH số 3791/QĐ-UBND ngày 02/10/2017) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng số 2 thành phố Thanh Hóa**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật BVMT;*

*Căn cứ Thông tư số 25/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Căn cứ Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 31/07/2020 của HĐND thành phố Thanh Hóa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công của thành phố Thanh Hóa;*

*Theo Quyết định số 6193/QĐ-UBND ngày 22/7/2015 của Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án: Khu dân cư, tái định cư thuộc khu vực di tích thắng cảnh Mật Sơn; Quyết định số 7401/QĐ-UBND ngày 10/09/2020 của UBND thành phố Thanh Hóa về việc giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng số 2 thành phố Thanh Hóa làm chủ đầu tư một số dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 31/07/2020 của HĐND thành phố Thanh Hóa;*

*Theo Biên bản thẩm định kèm theo Công văn số 8042/STNMT - BVMT ngày 20/9/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về Thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, tái định cư thuộc khu vực di tích thắng cảnh Mật Sơn tại phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa (MBQH số 3791/QĐ-UBND*

ngày 02/10/2017) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng số 2 thành phố Thanh Hóa;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 612/TTr-BAN2 ngày 13/01/2021 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng số 2 thành phố Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 993/Tr-STNMT ngày 18/10/2021.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, tái định cư thuộc khu vực di tích thắng cảnh Mật Sơn, thành phố Thanh Hóa (MBQH số 3791/QĐ-UBND ngày 02/10/2017) (sau đây gọi là dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng số 2 thành phố Thanh Hóa (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện, với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng số 2 thành phố Thanh Hóa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Đức Giang**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, tái định cư thuộc khu**  
**vực di tích thắng cảnh Mật Sơn, thành phố Thanh Hóa (MBQH số 3791/QĐ-**  
**UBND ngày 02/10/2017) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng số 2**  
**thành phố Thanh Hóa**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của  
 Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

**1. Thông tin chung dự án:**

- Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, tái định cư thuộc khu vực di tích thắng cảnh Mật Sơn, TP. Thanh Hóa (MBQH số 3791/QĐ-UBND ngày 02/10/2017).

+ Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng số 2, TP. Thanh Hóa.

+ Đại diện: Ông: Hoàng Văn Hưng - Chức vụ: Giám đốc

+ Địa chỉ: Tầng 5, khu Trụ sở Thành ủy – HĐND – UBND - UBMTTQ và các đoàn thể thành phố Thanh Hóa, Đại lộ Nguyễn Hoàng, phường Đông Hải, TP. Thanh Hóa.

+ Điện thoại: 0843 353 889

- Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, tái định cư thuộc khu vực di tích thắng cảnh Mật Sơn, thành phố Thanh Hóa được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích là 21,11 ha với các hạng mục công trình chính bao gồm: San nền, giao thông, vỉa hè, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, hệ thống cấp điện, công viên cây xanh.

**2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:**

**2.1. Giai đoạn xây dựng:**

*2.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:*

- Nước thải sinh hoạt khoảng 4,60 m<sup>3</sup>/ngày (nước thải vệ sinh khoảng 2,3 m<sup>3</sup>/ngày; nước rửa tay chân khoảng 2,3 m<sup>3</sup>/ngày); Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ, động thực vật, Coliform,...

- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng 6,0 m<sup>3</sup>/ngày; Thành phần chủ yếu: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng 164.151m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

*2.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:*

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu...Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, hơi xăng,...

### 2.1.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 55,0 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: Thức ăn thừa, lá cây, cành cây, gỗ, giấy loại, thủy tinh, nhựa, nilon, sành sứ, vỏ đồ hộp, kim loại, cao su,...

- Chất thải rắn xây dựng: Chất thải từ quá trình phát quang thảm thực vật có khoảng 949,9 tấn; Khối lượng CTR phá dỡ đường điện cũ: 12,6 tấn; Khối lượng đất bóc phong hóa là: 44.250,3 m<sup>3</sup>; Vật liệu trong xây dựng rơi vãi: 530,941 tấn; Đầu mẩu sắt thép thừa, gỗ cốp pha, bao bì xi măng: 109,5 tấn; Đất dư thừa từ quá trình đào đắp hố móng: 2.606,8 tấn.

### 2.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại gồm giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa,..khối lượng khoảng 302,4 kg/toàn bộ quá trình thi công.

- Chất thải lỏng nguy hại chủ yếu là dầu máy với lượng khoảng 47 lít/toàn bộ quá trình thi công.

## 2.2. Giai đoạn vận hành:

### 2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án là 288,0 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, trong đó: Nước thải từ tắm, rửa tay, giặt: 140,6m<sup>3</sup>/ngày; Nước thải nhà vệ sinh: 106,4m<sup>3</sup>/ngày; Nước thải ăn uống: 41,0 m<sup>3</sup>/ngày; Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ động thực vật, Coliform,...

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng 147.589 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

### 2.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình phương tiện ra vào dự án; hoạt động của máy phát điện dự phòng; hoạt động nấu ăn, các công trình xử lý nước thải... Thành phần bao gồm: Bụi, khí CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, H<sub>2</sub>S, NH<sub>3</sub>,...

### 2.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ khu dân cư khoảng 2.460 kg/ngày.đêm; Phát sinh từ khu trường học có khoảng 560kg/ngày.đêm; phát sinh tại khu nhà văn hóa 10kg/ngày. Thành phần chủ yếu là túi nilon, giấy, bìa carton, vỏ bao bì, thức ăn thừa...

- Bùn thải từ hệ thống thu gom, tiêu thoát nước tại dự án khoảng 82,8 kg/ngày.

- Chất thải rắn từ quá trình vệ sinh khu vực công cộng khoảng 200kg/ngày.

### 2.2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của dự án khoảng 45,81kg/tháng. Thành phần bao gồm: giẻ lau chùi máy móc, pin, ắc quy, bóng đèn huỳnh quang...

## 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

### **3.1. Giai đoạn xây dựng**

#### **3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:**

##### **\* Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:**

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (cát, đá, ...) được che chắn bằng bạt; không để vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại gần mương thoát nước; hạn chế thấp nhất lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công kéo theo bùn đất vào hệ thống thoát nước chung của khu vực; quản lý dầu mỡ và vật liệu độc hại do các phương tiện vận chuyển và thi công gây ra.

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm thời, trên đường thoát nước mưa bố trí hố ga tạm (có kích thước  $d \times r \times h = 0,5 \text{m} \times 0,6 \text{m} \times 0,5 \text{m}$ ) để lắng loại bỏ bùn đất, khoảng cách các hố ga là 100m, sau đó chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Thường xuyên khơi thông, nạo vét cống, rãnh, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước chung của khu vực.

- Thực hiện công tác vệ sinh công trường sau mỗi ngày làm việc nhằm hạn chế các chất ô nhiễm rơi vãi trên mặt bằng thi công.

- Trang bị 01 máy bơm nước hố móng để tránh hiện tượng ngập úng khi mưa.

##### **\* Biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:**

- Nước thải từ quá trình vệ sinh tay chân được thu gom xử lý tại 02 hố lắng nước thải xây dựng có dung tích  $9,0 \text{m}^3/\text{hố}$  (kích thước 3,0 m x 2 m x 1,5 m) bố trí tại khu lán trại để xử lý trước khi thoát ra tuyến mương hiện trạng phía Nam dự án.

- Nước thải nhà vệ sinh: Nhà thầu thi công thuê 05 nhà vệ sinh di động bố trí tại khu lán trại. Mỗi nhà vệ sinh di động có kích thước: Dung tích: bồn nước là 400 lít và bồn phân là 1.200 lít; Định kỳ 02 ngày/lần đơn vị thi công hợp đồng với đơn vị có chức năng hút chất thải đem đi xử lý.

##### **\* Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng**

Nước thải xây dựng được thu gom về 02 về hố lắng nước thải xây dựng, mỗi bể có dung tích  $9,0 \text{m}^3$  (kích thước 3,0 m x 2 m x 1,5 m) được lót vải địa kỹ thuật (HDPE) ở đáy và thành để chống thấm trước khi thải ra tuyến mương hiện trạng phía Nam dự án.

#### **3.1.2. Về bụi, khí thải:**

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính... theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng phải chở đúng trọng tải quy định của xe và có che phủ bạt phía trên để tránh rơi vãi trong quá trình di chuyển.

- Quét dọn vệ sinh ở các tuyến đường xung quanh khu đất dự án trong phạm vi bán kính 200m.

- Xây dựng hàng rào bằng tôn cao 2,5m, dài 1.340m xung quanh khu đất thi công xây dựng để giảm bụi và tiếng ồn phát sinh ra bên ngoài.

- Bố trí khu vực rửa bánh xe vận chuyển nguyên vật liệu trước khi ra khỏi khu vực thi công, các xe vận chuyển vật liệu được che phủ kín bạt.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; phun nước giảm thiểu bụi đất, cát trong quá trình thi công dự án với tần suất phun tưới nước 04 lần/ngày và có thể tăng nếu phát sinh nhiều bụi; bố trí công nhân quét tuyến CSEDP đoạn qua dự án trong phạm vi 300m từ dự án về 2 phía Bắc và Nam.

*3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:*

*a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt*

Trang bị 02 thùng nhựa composite (dung tích 100 lít/thùng) đặt tại khu vực lán trại công nhân để thu gom chất thải rắn sinh hoạt của công nhân; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất 01 ngày/lần.

*b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng*

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn xây dựng:*

+ Khối lượng phát quang thảm phủ thực vật 949,9 tấn hợp đồng với đơn vị có chức năng đến vận chuyển và đưa đi xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn từ quá trình phá dỡ đường điện cũ: Tận dụng các loại bê tông để san nền dự án; dây sắt thép có khả năng tái sử dụng phục vụ cho hoạt động cải dịch tuyến đường điện hiện trạng;

+ Khối lượng đất bóc phong hồ: 44.250,3m<sup>3</sup> tận dụng để trồng cây xanh, tôn nền công viên cây xanh khu vực dự án.

+ Chất thải rắn từ quá trình xây dựng vật liệu rời như cát, đá... 530,941 tấn, lót sân đường nội bộ và dùng để san nền phía bên trong công trình khu vực dự án.

+ Mảnh sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại, bao bì xi măng được bán cho các cơ sở thu mua phế liệu, phần còn lại hợp đồng với đơn vị có chức năng đem đi xử lý.

+ Đất dư thừa từ quá trình đào đắp hố móng: 2.606,8 tấn: Tận dụng để san lấp nền đường giao thông, vỉa hè khu vực dự án.

*3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:*

Trang bị 02 thùng chứa chất thải nguy hại: 02 thùng dung tích 100 lít để chứa chất thải rắn nguy hại và 02 thùng dung tích 100 lít để chứa chất thải lỏng nguy hại, các thùng chứa đều có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt trong kho chứa tại khu lán trại của dự án. Kết thúc quá trình thi công xây dựng, đơn vị thi công hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT - BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

**3.2. Giai đoạn vận hành**

*3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:*

\* *Trách nhiệm của các hộ dân, các nhà đầu tư thứ cấp:*

- Xây dựng bể tự hoại để xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh; Xây dựng bể tách dầu mỡ để xử lý nước thải nhà ăn; lắp đặt lưới chắn rác để xử lý sơ bộ nước thải tắm giặt sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước chung khu vực dọc tuyến đường Trịnh Kiểm (đường CSEDP) phía Đông dự án.

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom, thoát nước trong nhà và đầu nối vào đường ống chờ do chủ đầu tư lắp đặt để dẫn theo hệ thống thoát nước chung của dự án và đầu nối vào hệ thống thoát nước chung khu vực dọc tuyến đường Trịnh Kiểm (đường CSEDP).

*\* Về trách nhiệm của UBND thành phố:*

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đường ống công BTCT D300 cho khu vực dự án và đầu nối ra tuyến công thoát nước hiện trạng D400 dọc tuyến đường CSEDP phía Đông (điểm đầu nối X = 2188932; Y = 579682) để dẫn nước thải về trạm xử lý nước thải tập trung của thành phố phía Nam dự án.

- Bố trí sẵn các vị trí chờ đầu nối để các nhà đầu tư thành viên đầu nối nước thải sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, bể tách dầu mỡ về hệ thống xử lý nước thải tập trung của thành phố tại xã Quảng Thịnh để xử lý trước khi thải ra môi trường; Bố trí hố thu gom nước thải tập trung cho toàn dự án, để thuận tiện cho việc lấy mẫu giám sát; Nước thải tại hố thu gom trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, các chỉ tiêu phải đạt chất lượng nước thải đầu vào của HTXL nước thải tập trung tại xã Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa.

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống đường ống dẫn nước thải, có kế hoạch sửa chữa, thay thế kịp thời khi phát hiện thiết bị hư hỏng, mất mát.

- Bố trí nguồn kinh phí để vận hành, duy trì hoạt động của hệ thống xử lý nước thải; thực hiện việc quan trắc nước thải theo định kỳ.

*3.2.2. Về bụi, khí thải:*

*- Trách nhiệm của các hộ dân, nhà đầu tư thứ cấp:*

+ Chủ động vệ sinh hàng ngày đối với khu vỉa hè trong phạm vi phía trước mỗi khu nhà.

+ Để rác đúng quy định về thời gian và địa điểm;

+ Đối với khu vực nhà bếp phải trang bị bộ phận hút, lọc khói bếp trước khi thải ra môi trường.

*- Trách nhiệm của UBND thành phố Thanh Hóa, UBND phường Quảng Thắng*

+ Trồng cây xanh khu vực công viên các vị trí quy hoạch; những ngày nắng nóng phun nước tưới cây, rửa đường trong khu dân cư bằng xe tưới nước chuyên dụng.

+ Thuê đơn vị thường xuyên quét dọn các tuyến đường trong khu dân cư nhằm giảm thiểu bụi bốc bay theo lốp bánh xe.

+ Kiểm tra hệ thống thu gom CTR, thoát nước chung, nạo vét định kỳ hệ thống cống rãnh.

+ Phun chế phẩm khử mùi đối với khu tập kết CTR của khu vực.

*3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:*

*- Trách nhiệm của các hộ dân, nhà đầu tư cấp:*

+ Phân loại rác ngay tại nguồn vào các thùng chứa có màu sắc khác nhau.  
+ Khu vực bếp nấu các công trình bố trí 01 thùng đựng rác 10 lit để chứa thức ăn thừa.

+ Khu trường học: Rác từ khu vực trường học sẽ được tổ vệ sinh môi trường của trường học thu gom và vận chuyển đến khu nhà tập kết CTR của dự án; Bố trí thùng đựng thức ăn thừa tại khu vực bếp nấu, để cho các đơn vị, cá nhân tận thu làm thức ăn chăn nuôi.

+ Trả phí thu gom và vận chuyển xử lý cho đơn vị môi trường đã được hợp đồng đến thu gom và đưa đi xử lý.

*- Trách nhiệm của UBND thành phố:*

+ Xây dựng khu tập kết chất thải rắn tại phía Đông Bắc (góc khuôn viên cây xanh cảnh quan) có diện tích 80m<sup>2</sup>, xây tường bao che, mái lợp tôn che chắn, bên trong bố trí 02 thùng dung tích 0,5m<sup>3</sup>/thùng có nắp đậy và bánh xe đẩy, thùng màu xanh ghi dòng chữ “Chất thải dễ phân hủy”, thùng màu cam ghi dòng chữ “chất thải khó phân hủy, tái chế”.

+ Phối hợp với UBND phường Quảng Thắng bố trí 24 thùng chứa rác thải sinh hoạt công cộng loại 100 lít trong khuôn viên cây xanh; 03 thùng đựng rác dung tích 100lit/thùng tại góc khuôn viên cây xanh của khu nhà văn hóa.

+ Định kỳ 01 lần/ngày cử tổ vệ sinh thu gom rác thải từ các thùng chứa rác tại dự án và đưa về khu tập kết chất thải rắn chung của dự án.

+ Thuê đơn vị môi trường có chức năng định kỳ nạo vét thường xuyên, hệ thống cống rãnh, bùn bở tự hoại khu vực công cộng: 3-6 tháng/lần, chăm sóc cây xanh tại khu vực dự án;

+ Hợp đồng với đơn vị môi trường địa phương thu gom và đưa đi xử lý CTR sinh hoạt và vệ sinh khu vực công cộng, chăm sóc cây xanh tại khu vực dự án với tần suất 01 lần/ngày.

*3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:*

*- Trách nhiệm của các hộ dân trong khu dân cư, các nhà đầu tư thứ cấp*

Thu gom, phân loại chất thải nguy hại và bỏ vào các thùng đựng CTNH do chủ đầu tư bố trí.

*- Trách nhiệm của UBND thành phố:*

+ Xây dựng khu tập kết CTNH có diện tích 50m<sup>2</sup> xây tường bao che, mái lợp tôn che chắn, bên trong bố trí 02 thùng (dung tích 0,5 m<sup>3</sup>/thùng) chứa chất thải lỏng và rắn nguy hại riêng biệt, có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định.

+ Bố trí các thùng nhựa loại 100 lít màu đen dọc tuyến đường nội bộ và khu vực công cộng trong khu dân cư.



+ Phổ biến các quy định, cách thức thu gom, phân loại chất thải nguy hại và quản lý theo đúng Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại cho người dân và khách đến khu vực để thu gom CTNH chuyển vào các thùng chứa chất thải nguy hại theo các chủng loại quy định đã được dán nhãn bên ngoài thùng.

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH trong sinh hoạt.

#### **4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án**

##### **4.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng**

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

\* *Giám sát chất lượng khí thải:*

- *Chỉ tiêu giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.

- *Vị trí giám sát:*

+ K1: Tại khu vực lán trại công nhân.

+ K2: Tại khu vực thi công dự án.

- *Quy chuẩn áp dụng:*

+ QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

+ QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

+ QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

\* *Giám sát chất lượng nước thải*

- *Chỉ tiêu giám sát:* pH, BOD<sub>5</sub>, TSS, Tổng N, Tổng P, Chất hoạt động bề mặt.

- *Vị trí giám sát:* 02 mẫu:

+ NT: Nước thải sau 02 hồ lắng nước thải xây dựng trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung.

- *Quy chuẩn áp dụng:*

+ QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.

+ QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.

##### **4.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn hoạt động**

*Giám sát chất lượng nước thải:*

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- *Chỉ tiêu giám sát:* COD, BOD<sub>5</sub>, NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, tổng N, phốt pho, Coliform.

*Vị trí giám sát:* 01 vị trí

+ NT: Nước thải tại hồ ga trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung dọc tuyến đường Trịnh Kiểm (đường CSEDP).

- *Quy chuẩn áp dụng:*

+ Chất lượng nước thải đầu vào của HTXL nước thải tại xã Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa (theo báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án phát triển toàn diện kinh tế, xã hội thành phố Thanh Hóa, Hợp phần 3: Thoát nước và xử lý nước thải)./.